

# HP LaserJet Enterprise MFP M430f



Máy in đa năng HP dành cho doanh nghiệp phục vụ các nhu cầu cơ bản với tốc độ lên tới 40 trang/phút<sup>9</sup> và khả năng bảo mật in ấn hàng đầu.<sup>1</sup>



## Sử dụng dễ dàng, quản lý đơn giản

- Bạn có thể cập nhật các tính năng mới nhất cho chương trình cơ sở HP FutureSmart<sup>2</sup> để tối ưu hóa khoản đầu tư trong những năm sắp tới.
- Tập trung kiểm soát môi trường in ấn với HP Web JetAdmin – và giúp xây dựng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.<sup>3</sup>
- Tận hưởng trải nghiệm nhất quán khi làm việc với mọi thiết bị trong nhóm, dễ dàng sử dụng nhờ các biểu tượng trực quan như trên máy tính bảng.
- Thiết lập máy in đa năng này nhanh chóng và dễ dàng quản lý chế độ cài đặt thiết bị để góp phần nâng cao hiệu quả.



## Khả năng in ấn bảo mật hàng đầu thế giới<sup>1</sup>

- Hệ thống tự động kiểm tra mã điều hành (BIOS) trong quá trình khởi động và tự sửa chữa nếu bị xâm phạm.
- Được chứng nhận là đạt Tiêu chí chung<sup>4</sup> để liên tục theo dõi hoạt động của bộ nhớ nhằm phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công trong thời gian thực.
- Hệ thống tự động kiểm tra chương trình cơ sở trong khi khởi động để xác định xem đó có phải là mã xác thực được HP ký điện tử hay không.
- Mọi hoạt động kết nối với mạng bên ngoài của máy in đều được kiểm tra để ngăn chặn các yêu cầu đáng ngờ và phần mềm độc hại.



## Năng suất cao hơn để làm việc nhóm hiệu quả hơn

- Cung cấp cho các nhóm làm việc những gì họ cần để thành công với hàng trăm giải pháp của cả HP lẫn bên thứ ba và hỗ trợ đầu đọc thẻ.
- Tối ưu hóa quy trình làm việc, giảm các bước và lỗi, hỗ trợ đội ngũ làm việc lưu động với các ứng dụng đa năng đáp ứng nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp bạn.
- Bảo vệ thông tin mật bằng mã PIN/lệnh kéo in để truy xuất lệnh in.
- Luôn kết nối nhờ một phụ kiện tùy chọn cho kết nối không dây,<sup>6</sup> Bluetooth® Low Energy và NFC chạm để in.



## Phát triển bền vững là lựa chọn thông minh

- Chú trọng khả năng tiết kiệm giấy ngay từ khâu thiết kế. In hai mặt (đào mặt) là chế độ cài đặt mặc định để tự động tiết kiệm giấy.<sup>7</sup>
- Giúp giảm lãng phí giấy và mực bằng cách chỉ in những gì thực sự cần thiết với HP Roam for Business.<sup>8</sup>
- Tiết kiệm năng lượng mà không phải hy sinh hiệu suất – máy in đa năng này có chứng nhận ENERGY STAR® và Blue Angel.
- Tận dụng các giải pháp HP End of Life để đảm bảo phần cứng và mực của bạn bảo vệ môi trường trong suốt vòng đời.

Thông số kỹ thuật

|                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm                              | HP LaserJet Enterprise MFP M430f                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Mã sản phẩm                               | 3PZ55A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Các chức năng                             | In, photo, scan, fax                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| In                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| In hai mặt                                | Tự động (mặc định)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Tốc độ in <sup>a</sup>                    | <b>Đen trắng (A4, thường):</b> Lên tới 38 trang/phút (mặc định); Lên tới 40 trang/phút (Chế độ HP High Speed); <b>Đen trắng (A4, hai mặt):</b> Lên tới 31 hình/phút; <b>Đen trắng (letter, thường):</b> Lên tới 40 trang/phút (mặc định); Lên tới 42 trang/phút (Chế độ HP High Speed); <b>Đen trắng (letter, hai mặt):</b> Lên tới 33 hình/phút;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Thời gian in trang đầu <sup>b</sup>       | <b>Đen trắng (A4, sẵn sàng):</b> Chỉ trong 6,5 giây; <b>Đen trắng (A4, ngủ):</b> Chỉ trong 8,8 giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Công nghệ in                              | Laser                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Độ phân giải in                           | <b>Đen trắng (tối ưu):</b> Lên tới 1.200 x 1.200 dpi; <b>Đen trắng (thường):</b> Lên tới 600 x 600 dpi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Công nghệ độ phân giải in                 | 300 dpi, 600 dpi, HP FastRes 1200, HP ProRes 1200                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Số hợp mực in                             | 1 (đen)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Ngôn ngữ in tiêu chuẩn                    | HP PCL 6, HP PCL 5, HP PostScript level 3 emulation, native PDF printing (v 1.7), Apple AirPrint™                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Quản lý máy in                            | HP Printer Assistant, HP Web JetAdmin Software, HP JetAdvantage Security Manager, HP SNMP Proxy Agent (một phần của HP Web JetAdmin), HP WS Pro Proxy Agent (một phần của HP Web JetAdmin), Bộ quản trị tài nguyên máy in cho HP Universal Print Driver (Driver Configuration Utility – Driver Deployment Utility – Managed Printing Administrator);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Scan                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tốc độ scan <sup>12</sup>                 | <b>Bình thường (A4):</b> Lên tới 29 trang/phút/46 hình/phút (đen trắng); <b>Hai mặt (A4):</b> Lên tới 46 hình/phút (đen trắng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Thông số kỹ thuật máy scan                | <b>Loại máy scan</b> Phẳng, ADF; <b>Công nghệ scan:</b> Cảm biến hình ảnh tiếp xúc (CIS); <b>Scan ADF hai mặt:</b> Có, ADF tự động scan hai mặt; <b>Kích thước scan tối đa (ADF):</b> 216 x 356 mm; <b>Kích thước scan tối đa (phẳng):</b> 216 x 297 mm; <b>Độ phân giải scan tối ưu:</b> Lên tới 600 dpi; <b>Độ phân giải in tăng cường:</b> Lên tới 600 dpi; <b>Độ phân giải phân cứng:</b> Lên tới 600 x 600 dpi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Các tính năng nâng cao của máy scan       | Tối ưu hóa văn bản/hình ảnh; Điều chỉnh hình ảnh; Xây dựng tác vụ; Cài đặt chất lượng đầu ra; Độ phân giải scan tùy chọn từ 75–600 dpi; Tự động phát hiện màu; Xóa viền; Thông báo lệnh in; Bỏ trang trắng; HP Quick Sets; HP EveryPage; Tự định hướng; Nhận diện ký tự quang học (OCR) nhúng sẵn, Tự động cắt vữa trang; Tự động chỉnh tổng màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Photocopy                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tốc độ copy                               | <b>Đen trắng (A4, thường):</b> Lên tới 29 bản sao/phút; <b>Đen trắng (letter, thường):</b> Lên tới 31 bản sao/phút; <b>Đen trắng (A4, hai mặt):</b> Lên tới 31 bản sao/phút; <b>Đen trắng (letter, hai mặt):</b> Lên tới 33 bản sao/phút                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Thời gian in trang đầu tiên               | <b>Đen trắng (A4, sẵn sàng):</b> Chỉ trong 7,2 giây; <b>Đen trắng (A4, ngủ):</b> Chỉ trong 9,5 giây; <b>Đen trắng (thư, sẵn sàng):</b> Chỉ trong 6,8 giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Fax <sup>e</sup>                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tốc độ fax                                | 33,6 kbps (tối đa); 14,4 kbps (mặc định), 3 giây/trang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Thông số kỹ thuật fax                     | <b>Bộ nhớ fax:</b> Tùy thuộc vào dung lượng đĩa trống; <b>Độ phân giải fax:</b> Lên tới 300 x 300 dpi; <b>Hỗ trợ tự động giảm fax:</b> Có; <b>Tự động quay số lại:</b> Có; <b>Gửi trễ fax:</b> Không; <b>Hỗ trợ phát hiện chuông phân biệt:</b> Không; <b>Hỗ trợ chuyển tiếp fax:</b> Có; <b>Hỗ trợ hàng rào fax làm phiên:</b> Có, như chặn số fax; <b>Tốc độ tối đa khi quay số:</b> Lên tới 1.000 số; <b>Hỗ trợ giao diện máy tính:</b> Có, không bao gồm phần mềm; <b>Hỗ trợ poll fax:</b> Có (chỉ poll để nhận)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tính năng phần mềm thông minh đối với fax | Fax đầu lưu trữ; Lưu trữ fax; Chuyển tiếp fax; In theo cỡ giấy; Danh bạ số fax; Fax qua LAN/Internet; Xác nhận số fax; Lịch gửi fax vào ngày nghỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Khả năng kết nối                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Khả năng kết nối tiêu chuẩn               | 2 cổng USB 2.0 tốc độ cao; 1 thiết bị USB 2.0 tốc độ cao; Mạng Ethernet 10/100/1000T 1 Gigabit; 1 fax                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Khả năng in di động <sup>3</sup>          | HP ePrint; Apple AirPrint™; Có chứng nhận của Mopria™; In bằng Wi-Fi® Direct; NFC Touch-to-print (tùy chọn); Khả năng Roam để dễ dàng in; PrinterOn Print                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Khả năng kết nối không dây                | Tùy chọn, có thể sử dụng khi mua phụ kiện phần cứng không dây. Có thể sử dụng Wireless Station băng tần kép và chức năng Wi-Fi Direct khi mua HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Phụ kiện không dây 3JN69A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Khả năng nối mạng                         | Có, thông qua máy chủ in nhúng sẵn HP Jetdirect Ethernet (tiêu chuẩn) hỗ trợ: 10Base-T, 100Base-Tx, 1000Base-T; hỗ trợ 802.3az (EEE) trên Fast Ethernet và Gig Links; IPsec (tiêu chuẩn); Kết nối không dây 802.11a/b/g/n (Tùy chọn); cổng Ethernet thứ hai (Tùy chọn).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Bộ nhớ                                    | <b>Tiêu chuẩn:</b> 2 GB; <b>Tối đa:</b> 2 GB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Ổ cứng                                    | Không dành cho sản phẩm này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Tốc độ bộ xử lý                           | 800 MHz                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Thời gian khởi động máy                   | 180 giây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Khay giấy                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Chu trình làm việc (hàng tháng)           | <b>Chu trình làm việc (hàng tháng, A4):</b> Lên tới 100.000 trang; <b>Số trang in khuyến nghị mỗi tháng:</b> 900 đến 4.800 trang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Sức chứa đầu vào                          | Khay số 1 có sức chứa 100 tờ; khay nạp giấy số 2 có sức chứa 250 tờ; Bộ nạp tải liệu tự động (ADF) 50 tờ; Khay tùy chọn thứ ba 550 tờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Sức chứa đầu ra                           | Khay giấy ra 150 tờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Số khay giấy                              | <b>Tiêu chuẩn:</b> 2; <b>Tối đa:</b> 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Loại giấy in                              | Giấy (trơn, ecoefficient, nhẹ, nặng, thô, có màu, giấy tiêu đề, in sẵn, đục lỗ trước, tái chế, ráp); phong bì; nhãn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Trọng lượng giấy in                       | Khay 1: 60 đến 175 g/m²; khay 2, khay thứ 3 tùy chọn 550 tờ: 60 đến 120 g/m²                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Khổ giấy in                               | <b>Tùy chỉnh (hệ mét):</b> Khay 1: 76 x 127 đến 216 x 356 mm; Khay 2: 105 x 148 đến 216 x 356 mm; Khay tùy chọn: 105 x 148 đến 216 x 356 mm; <b>Được hỗ trợ (hệ mét):</b> Khay 1: A4, RA4, A5, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, A6, 16K, phong bì (B5, C5 ISO, C6, DL ISO); Tùy chỉnh: 76 x 127 đến 216 x 356 mm; Khay 2: A4; RA4; A5; B5 (JIS); B6 (JIS); A6; 16K; 105 x 148 đến 216 x 356 mm; Khay 3 tùy chọn: A4; RA4; A5; B5 (JIS); B6 (JIS); A6; 16K; 105 x 148 đến 216 x 356 mm; <b>ADF:</b> letter; legal; oficio; executive; statement; A4; RA4; A5; B5; 5 x 7 in; 5 x 8 in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Kích thước máy in (R x S x C)             | 420 x 390 x 323 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Trọng lượng máy in                        | 13,01 kg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Phần mềm kèm theo                         | Không có, phần mềm chỉ có trên <a href="http://hp.com">http://hp.com</a> hoặc <a href="http://123.hp.com">http://123.hp.com</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Bên trong thùng máy <sup>1</sup>          | Máy in HP LaserJet Enterprise MFP M430f; Hộp mực in laser màu Đen HP LaserJet chính hãng (~3.000 trang); Hướng dẫn bắt đầu; 1 dây nguồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Bảo hành                                  | 1 năm, đến tận nơi sửa chữa, hỗ trợ 24/7 qua điện thoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Hệ thống                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Hệ điều hành tương thích                  | Windows Client OS (32/64 bit), Win10, Win8.1, Win7 Ultimate, Mobile OS, iOS, Android, Mac, Apple® MacOS High Sierra v10.13, Apple® MacOS Mojave v10.14, Apple® MacOS Catalina v10.15, Discrete PCL6 Printer Driver, Để biết thêm thông tin về hệ điều hành được hỗ trợ, vui lòng truy cập <a href="http://support.hp.com">http://support.hp.com</a> , Nhập tên sản phẩm của bạn và tìm kiếm, Nhập vào Hướng dẫn sử dụng rồi nhập tên sản phẩm của bạn và tìm kiếm Hướng dẫn sử dụng, Tìm kiếm (Tên sản phẩm) của bạn – Hướng dẫn sử dụng, Tìm kiếm phần Hệ điều hành được hỗ trợ, Trình điều khiển máy in UPD PCL6/PS, Hệ điều hành được hỗ trợ, Để biết thêm thông tin về các hệ điều hành được hỗ trợ, vui lòng truy cập <a href="http://www.hp.com/go/ulpd">www.hp.com/go/ulpd</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Yêu cầu hệ thống tối thiểu                | <b>Windows:</b> Ổ cứng 2 GB Kết nối Internet hoặc cổng USB Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, vui lòng truy cập <a href="http://microsoft.com">microsoft.com</a> ; <b>Máy Mac:</b> Ổ cứng 2 GB Kết nối Internet hoặc cổng USB Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, vui lòng truy cập <a href="http://apple.com">apple.com</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Quản lý bảo mật                           | Quản lý danh tính: Xác thực Kerberos, xác thực LDAP 1.000 mã PIN người dùng, các giải pháp xác thực nhúng cao tùy chọn của HP và bên thứ ba (ví dụ: đầu đọc phù hiệu); Mạng: IPsec/tường lửa với chứng chỉ, Khóa chia sẻ trước, xác thực Kerberos, hỗ trợ plug-in cấu hình IPsec WJA-10, xác thực 802.1x (EAP-PEAP; EAP-TLS), SNMPv3, HTTPS, Các chứng chỉ, Danh sách kiểm soát truy cập; Dữ liệu: Mã hóa bộ lưu trữ, PDF và email được mã hóa (sử dụng thư viện mật mã FIPS 140 được xác thực của Microsoft), SSL/TLS (HTTPS), thông tin đăng nhập mã hóa; Thiết bị: HP Sure Start Secure Boot (Kiểm tra tính toàn vẹn của BIOS với khả năng tự phục hồi), Phát hiện xâm nhập (Giám sát liên tục trong thiết bị để tìm các cuộc tấn công), Lập danh sách cho phép (chỉ tài mã không độc hại), Mô-dun nền tảng tin cậy nhúng sẵn, HP Connection Inspector, Khe khóa bảo mật, Vô hiệu cổng USB; Quản lý bảo mật: Tương thích với HP JetAdvantage Security Manager, các Thông báo nhật ký hệ thống bảo mật thiết bị được xử lý và có thể truy cập trong Arcsight cũng như Splunk SIEM |
| Phông và kiểu chữ                         | 105 phông chữ TrueType nội bộ có thể mở rộng trong HP PCL, 92 phông chữ nội bộ có thể mở rộng trong HP PostScript Level 3 emulation (tích hợp ký hiệu Châu Âu); 1 phông chữ Unicode nội bộ (Andale Mono World Type); 2 phông chữ Windows Vista 8 nội bộ (Calibri, Cambria); các giải pháp phông chữ khác được cung cấp thông qua thẻ nhỏ flash bên thứ ba; Phông chữ HP LaserJet Fonts và IPDS Emulation có sẵn tại <a href="http://www.hp.com/go/laserjetfonts">http://www.hp.com/go/laserjetfonts</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Bảng điều khiển                           | Bảng điều khiển cảm ứng màu, có cảm biến điện dung 4,3"                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Màn hình                                  | TFT-LCD màu, rộng 4,3" có đèn nền 480 RGB (H) x 272 (V)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Nguồn điện                                | <b>Yêu cầu:</b> Điện áp vào 110 vôn: 110–127 VAC (+/-10%), 60 Hz (+/-3 Hz); Điện áp vào 220 vôn: 220–240 VAC (+/-10%), 50/60Hz (+/-3 Hz) (Không phải điện áp kép, nguồn điện thay đổi theo mã sản phẩm với Mã định danh tùy chọn); <b>Tiêu thụ:</b> 525 watt (khi in); 10,1 watt (chế độ sẵn sàng); 1,2 watt (chế độ ngủ); 0,08 watt (tắt tự động/bật thủ công); 0,08 watt (tắt thủ công); <b>Mức tiêu thụ điện điển hình (TEC)<sup>11</sup>:</b> 1.222 kWh/tuần (Blue Angel); 0,463 kWh/tuần (Energy Star 3.0); <b>Loại nguồn cấp:</b> Bộ cấp nguồn trong (tích hợp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Môi trường hoạt động                      | Phạm vi nhiệt độ vận hành: 15 đến 32,5°C; <b>Phạm vi nhiệt độ vận hành đề xuất:</b> 15 đến 27°C <b>Phạm vi độ ẩm vận hành:</b> 10–90% RH; <b>Phạm vi độ ẩm vận hành đề xuất:</b> 30–70% RH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tiếng ồn                                  | <b>Phát xạ công suất âm thanh:</b> 6,4 B(A) ở tốc độ 38 hình/phút; <b>Phát xạ công suất âm thanh (chế độ sẵn sàng):</b> Không gây tiếng ồn; <b>Phát xạ áp suất âm thanh:</b> 54 dB(A) ở tốc độ 38 hình/phút; <b>Phát xạ áp suất âm thanh (sẵn sàng):</b> Không gây tiếng ồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Phê duyệt và yêu cầu an toàn              | IEC 60950-1:2005 +A1:2009 +A2:2013 (Quốc tế); EN60950-1:2006 +A11:2009 +A1:2010 +A12:2011 +A2:2013 (Châu Âu); EN 60825-1:2014/IEC 60825-1:2014 (Sản phẩm laser loại 1); EN 62479:2010/IEC 62479:2010; IEC 62471:2006 / EN 62471:2008; IEC 62368-1:2014; EN 62368-1:2014 Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU có dấu CE (Châu Âu); Chứng nhận GS (Đức, Châu Âu); UL/CUL Listed và UL CoC (Mỹ/Canada); CAN/CSA C22.2 S6 60950-1-07 Ấn bản 2 2011-12; Tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn laser 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ các chênh lệch theo Thông báo laser số 50, ngày 24 tháng 6 năm 2007; Các phê duyệt an toàn khác theo yêu cầu của từng quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Các giao thức mạng được hỗ trợ            | Qua giải pháp kết nối mạng tích hợp: TCP/IP, IPv4, IPv6; In: TCP-IP port 9100 Direct Mode, LPD, Web Services Printing, IPP 2.0, Apple AirPrint™, HP ePrint; Discovery: SLP Bonjour, Web Services Discovery; Cấu hình IP: IPv4 (BootP, DHCP, AutoIP, Manual), IPv6 (Stateless Link-Local và qua Bộ định tuyến, Statefull qua DHCPv6); Quản lý: SNMPv2/v3, HTTP/HTTPS, Syslog; Bảo mật: SNMPv3, Quản lý chứng chỉ SSL, IPsec (IKEv1 và IKEv2), Tường lửa, 802.1x                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

Thông tin đặt hàng

Phụ kiện

| Số     | Mô tả                                         |
|--------|-----------------------------------------------|
| 3JN69A | Phụ kiện BLE/NFC/Không dây HP Jetdirect 3100w |
| 4QL32A | HP Legic Secure USB Reader                    |
| 8FP31A | Phụ kiện HP Jetdirect LAN                     |
| B5L31A | HP Foreign Interface Harness                  |
| D9P29A | Khay nạp HP LaserJet Pro 550 tờ               |
| X3D03A | Đầu đọc thẻ tiệm cận HP Universal USB         |
| Y7C05A | Đầu đọc HP HIP2 Keystroke                     |

Hộp mực in laser HP chính hãng, mực in bảo dưỡng và giấy được hỗ trợ

| Số     | Mô tả                                                                  |
|--------|------------------------------------------------------------------------|
| 4WN07A | Giấy HP Everyday Laser Glossy FSC 120 gsm-150 tờ/Tableoid/11 x 17 inch |
| 4WN08A | Giấy HP Everyday Laser Glossy FSC 120 gsm-150 tờ/Letter 8,5 x 11 inch  |
| 7MV81A | Giấy HP Everyday Laser Glossy FSC 120 gsm-150 tờ/A3/297 x 420 mm       |
| 7MV82A | Giấy HP Everyday Laser Glossy FSC 120 gsm-150 tờ/A4/210 x 297 mm       |
| CF276A | Hộp mực in laser LaserJet màu Đen HP 76A chính hãng                    |
| CF276X | Hộp mực in laser LaserJet màu Đen năng suất cao HP 76X chính hãng      |

Liên hệ với HP qua điện thoại: Châu Á: 65 6253 8500

Gói Bảo dưỡng HP

| Số      | Mô tả                                                                                                                             |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| U11D7E  | Dịch vụ vào Ngày làm việc tiếp theo của HP trong 3 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                       |
| U11D8E  | Dịch vụ vào Ngày làm việc tiếp theo của HP trong 4 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                       |
| U11D9E  | Dịch vụ vào Ngày làm việc tiếp theo của HP trong 5 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                       |
| U11DBE  | Dịch vụ bảo hành trong vòng 4 giờ, 9x5 của HP trong 3 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                    |
| U11DCE  | Dịch vụ bảo hành trong vòng 4 giờ, 9x5 của HP trong 4 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                    |
| U11DDE  | Dịch vụ bảo hành trong vòng 4 giờ, 9x5 của HP trong 5 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                    |
| U11DME  | Dịch vụ đổi linh kiện của HP trong 3 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x (Chỉ dành cho thành phần được quản lý)              |
| U11DNE  | Dịch vụ đổi linh kiện của HP trong 4 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x (Chỉ dành cho thành phần được quản lý)              |
| U11DQE  | Dịch vụ đổi linh kiện của HP trong 5 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x (Chỉ dành cho thành phần được quản lý)              |
| U11DRPE | Dịch vụ Ngày làm việc tiếp theo Sau bảo hành của HP trong 1 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                              |
| U11DSPE | Dịch vụ Ngày làm việc tiếp theo Sau bảo hành của HP trong 2 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                              |
| U11DTPE | Dịch vụ Sau bảo hành trong vòng 4 giờ, 9x5 của HP trong 1 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                |
| U11DVPE | Dịch vụ Sau bảo hành trong vòng 4 giờ, 9x5 của HP trong 2 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x                                |
| U11DZPE | Dịch vụ đổi linh kiện Sau bảo hành của HP trong 1 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x (Chỉ dành cho thành phần được quản lý) |
| U11EOPE | Dịch vụ đổi linh kiện Sau bảo hành của HP trong 2 năm đối với LaserJet Enterprise MFP M43x (Chỉ dành cho thành phần được quản lý) |

Văn phòng HP Inc.

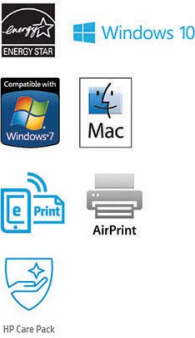
|             |                   |           |
|-------------|-------------------|-----------|
| Úc          | (613) 8833 5000   | hp.com.au |
| Trung Quốc  | (010) 6564 3888   | hp.com.cn |
| Hồng Kông   | (852) 3077 2688   | hp.com.hk |
| Ấn Độ       | (80) 2612 9000    | hp.com/in |
| Indonesia   | (62-21) 5799 1088 | hp.com/id |
| Hàn Quốc    | (02) 2199 0114    | hp.co.kr  |
| Malaysia    | (603) 2332 3333   | hp.com.my |
| New Zealand | (09) 918 9555     | hp.co.nz  |
| Philippines | (632) 888 5900    | hp.com/ph |
| Singapore   | (65) 6275 3888    | hp.com.sg |
| Đài Loan    | (02) 3789 9900    | hp.com.tw |
| Thái Lan    | (662) 353 9500    | hp.com/th |
| Việt Nam    | (848) 3823 4151   | hp.com/vn |

Đối với những quốc gia sau đây, vui lòng gửi yêu cầu của bạn qua fax tới số (65) 6275 6707 Bangladesh, Bhutan, Brunei, Campuchia, Maldives, Nepal, Pakistan, Sri Lanka

Giải pháp

Để biết thêm thông tin về các giải pháp, vui lòng truy cập hp.com/go/gsc

Bảo vệ khoản đầu tư của bạn bằng HP Care Pack. Hãy để các kỹ sư được HP chứng nhận giải quyết vấn đề kỹ thuật của bạn. Để biết thêm chi tiết về HP Care Pack, vui lòng truy cập hp.com/go/cpc



Chú thích

<sup>1</sup> Các tính năng bảo mật tích hợp tiên tiến nhất của HP có sẵn trên các thiết bị HP được quản lý và dành cho doanh nghiệp sử dụng chương trình cơ sở HP FutureSmart phiên bản 4.5 trở lên. Tuyên bố dựa trên đánh giá của HP về các tính năng đã phát hành trong năm 2019 của những máy in cạnh tranh cùng loại. Chỉ có HP cung cấp một tổ hợp các tính năng bảo mật để tự động phát hiện, chặn đứng và khôi phục sau các cuộc tấn công bằng phương thức khởi động lại tự phục hồi, tuân thủ hướng dẫn NIST SP 800-193 về khả năng phản ứng linh hoạt của thiết bị trước các nguy cơ tấn công mạng. Để xem danh sách các sản phẩm tương thích, vui lòng truy cập [hp.com/go/PrintersThatProtect](http://hp.com/go/PrintersThatProtect). Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [hp.com/go/PrinterSecurityClaims](http://hp.com/go/PrinterSecurityClaims)
<sup>2</sup> Một số tính năng bảo mật máy in có trong các bản nâng cấp chương trình cơ sở của HP FutureSmart trong tương lai có thể không hoạt động trên các thiết bị cũ, chẳng hạn như trong trường hợp các đặc tính thực tế của sản phẩm giới hạn khả năng hoạt động của tính năng mới.
<sup>3</sup> HP Web JetAdmin được cung cấp miễn phí. Bạn có thể truy cập [hp.com/go/webjetadmin](http://hp.com/go/webjetadmin) để tải xuống
<sup>4</sup> Chứng nhận của bên thứ ba dựa trên các yêu cầu của Tiêu chuẩn ISO/IEC 15408 theo Tiêu chí chung về Đánh giá bảo mật công nghệ thông tin từ tháng 5 năm 2019. Chứng nhận áp dụng cho các thiết bị doanh nghiệp và được quản lý của HP sử dụng Chương trình cơ sở HP FutureSmart phiên bản 4.5.1 trở lên. Tham khảo thêm thông tin tại: <https://www.commoncriteriaportal.org/files/epfiles/Certification%20Report%20-%20HP%20Intrusion%20Detection.pdf>
<sup>5</sup> Bạn có thể cần nâng cấp chương trình cơ sở để sử dụng HP Trusted Platform Module.
<sup>6</sup> Hiệu suất không dây phụ thuộc vào môi trường tự nhiên cũng như khoảng cách giữa máy và điểm truy cập. Hiệu suất có thể bị giới hạn khi kết nối VPN đang hoạt động.
<sup>7</sup> Phụ thuộc vào thông số kỹ thuật được thiết lập theo quốc gia.
<sup>8</sup> Để sử dụng HP Roam, một số thiết bị có thể cần nâng cấp chương trình cơ sở và cần một phụ kiện tùy chọn để bổ sung các khả năng cung cấp tín hiệu của Bluetooth Low Energy (BLE). Bạn có thể cần mua gói đăng ký. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [hp.com/go/roam](http://hp.com/go/roam)
<sup>9</sup> Cần nâng cấp chương trình cơ sở.
<sup>10</sup> Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

<sup>1</sup> Để biết thông tin về năng suất trên hộp mực đi kèm với máy in của bạn, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>. Giá trị năng suất được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác.
<sup>2</sup> Năng suất được công bố dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>
<sup>3</sup> Năng suất được công bố dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>
<sup>4</sup> Đã đăng ký EPEAT® trong trường hợp áp dụng. Việc đăng ký EPEAT tùy thuộc vào quốc gia. Vui lòng truy cập <http://www.epeat.net> để biết trạng thái đăng ký theo quốc gia.
<sup>5</sup> Để sử dụng HP Roam, một số thiết bị có thể cần nâng cấp chương trình cơ sở và cần một phụ kiện tùy chọn để bổ sung các khả năng cung cấp tín hiệu của Bluetooth Low Energy (BLE). Khách hàng có thể mua phụ kiện BLE/NFC/Không dây HP Jetdirect 3100w hoặc USB RadBeacon. Bạn có thể cần mua gói đăng ký. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/roam>
<sup>6</sup> Dựa trên hình ảnh kiểm tra ITU-T tiêu chuẩn 1 ở độ phân giải tiêu chuẩn. Các trang phức tạp hơn hoặc độ phân giải cao hơn sẽ mất nhiều thời gian hơn và sử dụng nhiều bộ nhớ hơn.
<sup>7</sup> Được đo bằng Kiểm thử hiệu suất tính năng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
<sup>8</sup> Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
<sup>9</sup> Được đo bằng ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
<sup>10</sup> Yêu cầu về nguồn điện dựa trên quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Hành động này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm. Giá trị Energy Star thường dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 115 V, giá trị Blue Angel dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 230 V.
<sup>11</sup> Dữ liệu mẫu: Xếp hạng Mức tiêu thụ điện điển hình (TEC) thể hiện lượng điện tiêu thụ điển hình của một sản phẩm trong một tuần, được đo bằng kilowatt-giờ (kWh).
<sup>12</sup> Tốc độ scan đo được từ khay nạp tài liệu tự động (ADF). Tốc độ xử lý thực tế có thể khác nhau tùy theo độ phân giải khi scan, điều kiện mạng, hiệu suất của máy tính và phần mềm ứng dụng.

Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập [hp.com](http://hp.com)